

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI UCT E&C**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI UCT E&C

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UCT E&C CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: UCT E&C.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109687567

**3. Ngày thành lập:** 30/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14 Phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38716888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                     | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                               | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                         | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                          | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                              | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                   | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                    | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                     | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                              | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                       | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                 | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                            | 4299(Chính) |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                     | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến                                                | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                 | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy<br>- Thi công xây dựng công trình | 4329        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330 |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                           | 4659 |
| 21. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng)<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn sắt, thép<br>- Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4662 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                   | 4663 |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn cao su                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669 |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4753 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4759 |
| 28. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4784 |
| 29. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp<br>- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp<br>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.<br>- Giám sát công tác xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình | 7110 |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                              | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>CHÂU LÂN | P302-54A Đường<br>Nguyễn Chí<br>Thanh, Phường<br>Láng Thượng,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 450.000       | 4.500.000.000            | 30,000       | 0140810000<br>69                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Tổng số                            | 450.000       | 4.500.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐỖ TUẤN<br>NGHĨA   | Số 8N Ô18,<br>Phường Hạ Long,<br>Phường Hạ Long,<br>Thành phố Nam<br>Định, Tỉnh Nam<br>Định, Việt Nam           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 375.000       | 3.750.000.000            | 25,000       | 0360850059<br>61                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 | Tổng số                            | 375.000       | 3.750.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                 |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                            |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | PHẠM MẠNH HẢI | Thôn Vinh Phú, Thị Trấn Hợp Hòa, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 20,000 | 026094003976 |
|   |               |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                            | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 20,000 |              |
|   |               |                                                                            |                           |         |               |        |              |
| 4 | LÊ THANH SON  | Thôn Phận, Xã Yên Bằng, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 375.000 | 3.750.000.000 | 25,000 | 162679036    |
|   |               |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                            | Tổng số                   | 375.000 | 3.750.000.000 | 25,000 |              |
|   |               |                                                                            |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ TUẤN NGHĨA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036085005961

Ngày cấp: 18/04/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 8N Ô18, Phường Hạ Long, Phường Hạ Long, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8N Ô18, Phường Hạ Long, Phường Hạ Long, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội